

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C .

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đông M, xã Trần Th, huyện C, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lưu Minh D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 04/3/2022, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 28/3/2022; bản tự khai ngày 12/7/2022 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Do được mai mối nên bà H và ông D kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau ngày 16/02/2016.

Lý do xin ly hôn: Ban đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, mẹ chồng khắt khe nhưng ông D không tìm hiểu sự việc mà lại chỉ trích bà H; ông D không bàn bạc với bà H trong việc làm ăn mà tự ý quyết định, không chăm lo phụ giúp vợ mà chỉ quan trọng giúp đỡ người ngoài mặc dù bà H đã tâm sự nhưng ông D vẫn không thay đổi nên vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Do buồn phiền nên bà H đã về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 17/12/2021 âm lịch và ông bà cũng sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân ông D có liên lạc nhưng không thể giải

quyết. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Minh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Bảo Ngọc (Nữ), sinh ngày 15/11/2016 và Lưu Ánh Ngọc (Nữ), sinh ngày 30/6/2018. Hai con chung hiện nay đang sinh sống cùng với ông D. Khi ly hôn, bà H tự nguyện giao 02 con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng vì ông D có thu nhập ổn định.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 28/3/2022 và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Do được mai mối nên vào năm 2016, ông D và bà H tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau ngày 16/02/2016.

Ông D cho rằng không có lỗi với bà H, do công việc bận nên ông D không có thời gian phụ giúp bà H đỡ đần việc nhà; việc bà H cho rằng mẹ chồng khắt khe là không đúng vì quá trình làm dâu bà H chỉ lựa tôm phụ gia đình được vài lần, cha ruột ông D có nóng giận và nói bà H “sống như ở đợ” và nói bà H về nhà cha mẹ ruột sống là “thứ bỏ chồng”. Ông D đã sống ly thân từ ngày 17/12/2021 âm lịch là ngày bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Thời gian ly thân, ông D có liên lạc thì bà H nói ông D đạo đức giả. Ông D hứa sẽ khắc phục những gì bà H không hài lòng, nếu từ 02 đến 05 tháng mà không được thì sẽ đồng ý ly hôn với bà H. Ông D còn cho rằng bà H phá hoại tài sản của con khi không đóng bảo hiểm đúng hạn là hành vi muốn rũ bỏ trách nhiệm với con là điều kiện không được ly hôn và ông D muốn hàn gắn vì thương bà H cũng như để chăm sóc các con nên đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Bảo Ngọc (Nữ), sinh ngày 15/11/2016 và Lưu Ánh Ngọc (Nữ), sinh ngày 30/6/2018. Hai con chung hiện nay đang sinh sống cùng với ông D. Trường hợp ly hôn thì ông D đề nghị được nuôi cả 02 con vì ông D có công việc và thu nhập ổn định.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lưu Minh D, đây là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2016, bà H và ông D tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/02/2016, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông D được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Xét lời khai của hai đương sự: Bà H yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, hay cự cãi và bất đồng quan điểm do ông D không bàn bạc công việc trong gia đình mà luôn tự ý quyết định, không phụ giúp công việc gia đình tiếp bà H mà chỉ lo công việc cho người ngoài, bà H đã tâm sự nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài dẫn tới không hạnh phúc, dù ông D có nói gì thì cũng không thể hàn gắn lại vì tình cảm không còn, thời gian sống ly thân ông D cũng không sửa đổi nên bà H cương quyết ly hôn. Về phía ông D xác định không có lỗi với bà H, vẫn chăm lo cho vợ con nhưng đổ lỗi do bận việc không có thời gian đỡ đần công việc nhà với bà H và còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn mà xin thời gian sửa đổi. Ông D còn trình bày trong khoảng thời gian sống ly thân do bận việc nên ông D chỉ điện thoại cho bà H nhưng bà H không chấp nhận vì bị tác động bởi mạng xã hội; mặt khác việc bà H không đóng bảo hiểm đúng hạn là phá hoại tài sản của các con nên đề nghị bác đơn bà H.

Nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ: Ông bà đã xảy ra mâu thuẫn mà không tìm ra cách khắc phục, đã sống ly thân từ ngày 17/12/2021 âm lịch cho đến nay chứng tỏ ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau mà mỗi người chỉ biết bỏn phận người đó, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác, ông D đề nghị có thời gian sửa đổi từ 02 đến 05 tháng nếu không được thì đồng ý ly hôn. Kể từ ngày Tòa án hòa giải cho ông bà vào ngày 28/3/2022 nhưng đến nay ông bà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn trong hôn nhân. Việc ông D trình bày ông bà không có mâu thuẫn nhưng thực tế diễn biến tại phiên tòa cho thấy bà H và ông D luôn tranh cãi với nhau vì mỗi người đều nghĩ mình là đúng thể hiện ở việc bà H cho rằng đã cho ông D thời gian nhưng ông D không sửa đổi, ông D lại xác định ông D không làm gì sai đã cho thấy ông bà không thấu hiểu nhau. Đối với vấn đề ông D nói bà H phá hoại tài sản các con nên không được ly hôn, xét nguồn tiền đóng bảo hiểm là tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp có tranh chấp thì các đương sự khởi kiện bằng vụ án khác chứ đó không là điều kiện để bác đơn ly hôn của bà H.

Từ những lẽ đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H cho ly hôn giữa bà H với ông D theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà H và ông D có 02 con chung tên Lưu Bảo Ngọc (Nữ), sinh ngày 15/11/2016 và Lưu Ánh Ngọc (Nữ), sinh ngày 30/6/2018. Hai con chung hiện nay đang sinh sống cùng với ông D. Khi ly hôn, bà H tự nguyện giao 02 con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét, thực tế từ khi bà H và ông D sống ly thân thì các con ở với ông D vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ và bà H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử quyết định giao Bảo Ngọc và Ánh Ngọc để ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và*

chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngày 04/3/2022, bà H dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0015459 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lưu Minh D.
2. Về nuôi con: Giao cháu Lưu Bảo Ngọc (Nữ), sinh ngày 15/11/2016 và Lưu Ánh Ngọc (Nữ), sinh ngày 30/6/2018 để ông Lưu Minh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H chịu. 04/3/2022, bà H dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0015459 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9, 9a, 9b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh